

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST

Ngày 12-3-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Đăng

Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C, địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã M, huyện B, tỉnh Long An; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Ki D – Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Linh Cg, ông Dương Hiểu Dg, ông Phan Hoàng H, địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (ông C, ông D vắng mặt, ông H có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Bá K, địa chỉ: Tổ X, khu phố X, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Ngày 22-4-2021 công ty TNHH C (viết tắt công ty C) với ông Lê Bá K có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Nội dung cơ bản của hợp đồng phía công ty cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông K. Đơn giá thực tế trên từng hoá đơn. Thời hạn thanh toán khi nhận hàng hoặc trước khi nhận hàng. Trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi suất 1.2%/tháng. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, phía công ty đã giao cho ông K tổng cộng 248,6 tấn, tương đương số tiền 2.449.557.500 đồng và đã xuất hoá đơn đầy đủ. Phía ông K đã thanh toán số tiền 2.299.557.530 đồng, còn nợ lại 149.999.970 đồng. Ngày 18-10-2021, ông K có xác nhận đang nợ công ty số tiền 149.999.970 đồng. Tuy nhiên, từ khi xác nhận công nợ đến nay ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá thức ăn chăn nuôi đã mua và tiền lãi từ ngày xác nhận công nợ (19-10-2021) đến khi khởi kiện (tháng 8/2024): $149.999.970 \text{ đồng} \times 1.2\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 61.199.988 \text{ đồng}$. Tại phiên toà nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 61.199.988 đồng. Tổng cộng ông K phải thanh toán là 211.199.958 đồng.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng công ty cam kết chất lượng thức ăn chăn nuôi tỷ lệ FCR 2.2 thì công ty xác định hai bên không có nội dung thoả thuận này. Hàm lượng cám, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nguyên đơn đã đăng ký với cơ quan quản lý thị trường và niêm yết trên bao bì sản phẩm.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc khi phát hiện tỷ lệ FCR 2.8 hoặc 3.0 có báo với công ty và đại diện công ty có đến làm việc và cam kết báo lại giám đốc công ty nhưng sau đó không giải quyết thì công ty không biết gì về sự việc này.

Đối với ông Nguyễn Hữu Luận và Nguyễn Văn Tiến Đạt trước đây là nhân viên của công ty, nhưng đã nghỉ việc khoảng năm 2022, không còn liên lạc được.

- Bị đơn ông Lê Bá K trình bày:

Ông K kinh doanh thức ăn chăn nuôi và trang trại chăn nuôi vịt, có đăng ký kinh doanh. Ngày 22-4-2021, ông K có ký hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với Công ty C như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Ngoài ra khi thoả thuận ký hợp đồng hai bên có thống nhất phía công ty cung cấp thức ăn chăn nuôi với tiêu chuẩn FCR 2.2, nghĩa là tỷ lệ 2.2kg cám thu được 1kg thịt vịt. Việc thống nhất chất lượng tiêu chuẩn FCT 2.2 bằng lời nói, không lập thành văn bản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C có giao thức ăn cho ông K nhiều lần. Tổng khối lượng hàng và giá trị hàng đã nhận bao nhiêu ông K không nhớ. Ông K cũng đã nhiều lần thanh toán các lần nhận hàng với tổng số tiền đã thanh toán bao nhiêu không nhớ. Sau khi mua hàng của công ty, ông K có cung cấp thức ăn chăn nuôi cho các hộ dân là khách hàng của ông K. Sau thời gian chăn nuôi, khoảng tháng 8/2021 các hộ dân báo cáo lại ông K thức ăn công ty cung cấp không đảm bảo tỷ lệ FCR 2.2. Tỷ lệ FCR Công ty C cung cấp là 2.8 đến 3.0, tương đương 2.8kg cám thu được 1kg thịt hoặc 3kg cám thu được 1kg thịt. Khi phát hiện sự việc ông K báo cho nhân viên của Công ty C là ông Nguyễn Hữu Luận, ông Nguyễn Văn

Tiến Đạt. Công ty C có cử đại diện là ông Nguyễn Hữu Luận, ông Nguyễn Văn Tiến Đạt đến trang trại xem xét và có thông báo sẽ báo lại giám đốc công ty xem xét giải quyết. Đại diện Công ty C có ghi chép vô sổ theo dõi nhưng không lập biên bản để hai bên ký. Sổ ghi chép do đại diện Công ty C giữ nên ông K không có để cung cấp cho Toà án. Hai bên không lấy mẫu thức ăn để giám định, cũng không giám định chất lượng thức ăn. Sau đó, ông K có nhận thêm một số đợt giao hàng nhưng vẫn thấy chất lượng cám không bảo đảm, nên ông K đã ngừng nhận hàng từ tháng 10/2021. Hiện tại số lượng cám mua của Công ty C đã sử dụng hết. Ngày 18-10-2021, ông K có ký xác nhận còn nợ Công ty C số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá thức ăn chăn nuôi đã mua. Từ khi xác nhận công nợ đến nay ông K chưa thanh toán cho công ty C và cũng không nhận thêm hàng từ Công ty C.

Nay trước yêu cầu khởi của Công ty C thì ông K có ý kiến: Do chất lượng thức ăn chăn nuôi của Công ty C cung cấp không đảm bảo chất lượng nên các hộ dân mua hàng không thanh toán cho ông K. Do đó, ông K không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu của Công ty C.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có thể xác định được bị đơn ông Lê Bá K hiện còn nợ công ty C số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá và 61.199.988 đồng tiền lãi chậm thanh toán. Ông K cho rằng hàng hoá nguyên đơn cung cấp không bảo đảm chất lượng theo thỏa thuận, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Phú Mỹ, do đó Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các

Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] Hiệu lực hợp đồng:

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định ngày 22-4-2021, Công ty C và ông Lê Bá K ký kết

hợp đồng mua bán hàng hoá số 1100231/SE3C/2021/HĐ-CJVA. Nội dung của hợp đồng Công ty C bán cho ông Lê Bá K sản phẩm thức ăn chăn nuôi do Công ty C sản xuất. Đơn giá thực tế trên từng hoá đơn. Thời hạn thanh toán khi nhận hàng hoặc trước khi nhận hàng. Trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi suất 1.2%/tháng. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng

Xét hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện; có nội dung không vi phạm điều cấm, không vi phạm pháp luật và được ký kết bởi đại diện theo pháp luật của hai bên. Do đó, hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty C với ông Lê Bá K đảm bảo các điều kiện theo Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 24 Luật thương mại, nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 211.199.958 đồng, trong đó 149.999.970 đồng nợ gốc và 61.199.988 đồng nợ lãi, thì thấy:

Theo lời trình bày của nguyên đơn xác định đã cung cấp cho bị đơn tổng giá trị hàng hoá thức ăn chăn nuôi là 149.999.970 đồng, hiện tại bị đơn chưa thanh toán. Trong quá trình tố tụng, bị đơn xác nhận hiện tại còn nợ Công ty C số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá chưa thanh toán. Lời xác nhận của bị đơn là phù hợp với Xác nhận công nợ ngày 18-10-2021. Do bị đơn thừa nhận nên tình tiết bị đơn hiện đang còn nợ nguyên đơn số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá là không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có thể xác định được bị đơn đang nợ nguyên đơn số tiền 149.999.970 đồng giá trị hàng hoá của hợp đồng mua bán hàng số 1100231/SE3C/2021/HĐ-CJVA ngày 22-4-2021.

Xét ý kiến của bị đơn cho rằng hai bên có thống nhất phía Công ty C cung cấp thức ăn chăn nuôi với tiêu chuẩn FCR 2.2, nghĩa là tỷ lệ 2.2kg cám thu được 1kg thịt vịt. Sau thời gian chăn nuôi khoảng tháng 8/2021 các hộ dân báo cáo lại ông K thức ăn công ty cung cấp không đảm bảo tỷ lệ FCR 2.2. Tỷ lệ FCR công ty cung cấp là 2.8 đến 3.0, tương đương 2.8kg cám thu được 1kg thịt hoặc 3kg cám thu được 1kg thịt, thì thấy: Ông K khai hai bên có thoả thuận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn FCR 2.2 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện hai bên có thoả thuận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn FCR 2.2.

Đồng thời nguyên đơn không xác nhận có thoả thuận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn FCR 2.2 như lời ông K trình bày. Ông K trình bày có báo cho đại diện Công ty C đến xem xét nhưng không lập biên bản, không lấy mẫu giám định chất lượng. Hiện tại số lượng cám mua của công ty C đã sử dụng hết. Nên không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện chất lượng hàng hoá nguyên đơn giao không bảo đảm và có khiếu nại của bị đơn đối với nguyên đơn về chất lượng hàng hoá. Ông K khai có báo cho hai nhân viên của công ty là ông Nguyễn Hữu Luận, ông Nguyễn Văn Tiến Đạt. Tuy nhiên, ông K không cung cấp được địa chỉ của ông Luận, ông Đạt. Công ty C xác định ông Luận, ông Đạt đã nghỉ việc từ năm 2022 và không còn liên lạc được. Vì vậy, ông K phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Do đó, lời khai của ông K về việc hai bên thoả thuận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn FCR 2.2 và công ty giao hàng không đảm bảo chất lượng đã cam kết là không có cơ sở.

Xét ý kiến của ông K cho rằng do chất lượng hàng hoá Công ty C giao không bảo đảm, nên các hộ dân mua hàng không thanh toán cho ông K do đó ông K không thanh toán cho Công ty C thì thấy: Tại hợp đồng mua bán hàng hoá giữa hai bên, không có điều khoản thoả thuận về quyền, nghĩa vụ đối với bên thứ ba mua lại hàng hoá. Trường hợp những hộ dân không thanh toán cho ông K thì ông K có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để yêu cầu họ thanh toán khi có yêu cầu.

Từ đó có thể xác định được yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán số tiền 149.999.970 đồng nợ gốc là có cơ sở và được chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi 149.999.970 x 1.2% x 34 tháng (từ tháng 10/2021 đến tháng 8/2024)= 61.199.988 đồng, thì thấy:

Tại khoản 2.4 Điều 2 Hợp đồng mua bán hàng hoá quy định “Trường hợp bên B (ông K) chậm thanh toán tiền hàng: Bên B sẽ chịu lãi suất 1.2%/tháng/số tiền chậm thanh toán (tương đương 14,4%/năm). Thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán: Kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bên B theo quy định tại Điều 2.1 của hợp đồng cho đến thời điểm bên B hoàn thành thanh toán toàn bộ số tiền chậm thanh toán”. Bị đơn ông K xác nhận từ khi nhận hàng đến nay ông chưa thanh toán tiền hàng. Do đó, có thể xác định ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ thời điểm nhận hàng.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Lãi suất các bên thoả thuận 1.2%/tháng (tương đương 14.4%/năm) là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán lãi chậm thanh toán $149.999.970 \times 1.2\% \times 34$ tháng (từ khi xác nhận công nợ, tháng 10/2021 đến tháng 8/2024) = 61.199.988 đồng là phù hợp và có lợi hơn cho bị đơn theo thoả thuận trong hợp đồng, quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông K phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận: = $(211.199.958 \text{ đồng} \times 5\%) = 10.559.000$ đồng. Công ty C không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 229, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 24, 306 Luật thương mại.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” với ông Lê Bá K.

Buộc ông Lê Bá K có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Công ty TNHH C số tiền 211.199.958 đồng (hai trăm mười một triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm năm mươi tám đồng), trong đó 149.999.970 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng) nợ gốc và 61.199.988 đồng (sáu mươi một triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi tám đồng) nợ lãi chậm thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hoá 1100231/SE3C/2021/HĐ-CJVA ngày 22-4-2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất quy định trong hợp đồng đồng mua bán hàng hoá 1100231/SE3C/2021/HĐ-CJVA ngày 22-4-2021, trên số tiền phải thi hành án trong thời gian chưa thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí: Ông Lê Bá K phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.559.000 đồng (mười triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trả lại

cho Công ty TNHH C số tiền 5.279.000 đồng (năm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0004082 ngày 12-11-2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà